

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM HỒNG HẢI

SINH KẾ CỦA HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CƠ HO
DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TẠI HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Ngành: Xã hội học

Mã số : 9310301

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học Xã hội

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS. TS. Đặng Nguyên Anh
2. TS. Nghiêm Thị Thuỷ

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Tuấn Anh,

Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia
Hà Nội

Phản biện 2: GS.TS. Trịnh Duy Luân

Hội Xã hội học

Phản biện 3: PGS.TS. Hoàng Thị Nga

Trường Đại học Công đoàn

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện họp tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi,
phường Phương Liệt, Hà Nội.

vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2026.

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia

và Thư viện Học viện Khoa học xã hội

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế giới đang phải đối mặt với sự gia tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng của các thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH). Nhiệt độ toàn cầu đã tăng khoảng 0,70C kể từ thời kỳ công nghiệp và tiếp tục gia tăng [112]. Sự nóng lên này làm thay đổi xu hướng mưa, gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan và mực nước biển dâng. Sự biến đổi này đe dọa đến sự an toàn của con người và sinh kế, đặc biệt là đối với nhóm dân cư yếu thế như nhóm người nghèo, người dân tộc thiểu số (DTTS) và phụ nữ là những nhóm dễ bị tổn thương nhất khi cư trú tại khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, điều kiện kinh tế chậm phát triển, trình độ học vấn chưa cao so với các nhóm xã hội khác [55].

Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH [112], [141] đặc biệt tại khu vực Tây Nguyên. Tại tỉnh Lâm Đồng, sự gia tăng nhiệt độ, biến động lượng mưa, hạn hán mùa khô và mưa cực đoan trong mùa mưa đã và đang tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, làm suy giảm năng suất, thu nhập và đe dọa sinh kế của người dân [14]. Trong số đó đồng bào dân tộc Cơ Ho, một trong những nhóm DTTS tại chỗ cư trú chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng chịu tác động rõ nét nhất do sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp truyền thống, đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng [99, 100]. Thêm vào đó, điều kiện kinh tế - xã hội của người Cơ Ho vẫn còn nhiều hạn chế, với tỷ lệ hộ nghèo thu nhập (8,8%), nghèo đa chiều (47,6%) và cận nghèo (8,5%) cao hơn các DTTS khác ở Tây Nguyên và cao gấp 3-5 lần so với mặt bằng chung của tỉnh Lâm Đồng [114]. Trình độ học vấn thấp, khả năng tiếp cận các nguồn vốn, công nghệ và dịch vụ hỗ trợ sản xuất còn rất hạn chế, làm giảm khả năng thích ứng của các hộ gia đình người Cơ Ho trước những thay đổi do BĐKH gây ra. Việc nghiên cứu ảnh hưởng của BĐKH đối với

sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là cần thiết, không chỉ góp phần làm sáng tỏ nguyên nhân, hậu quả mà còn đề xuất các giải pháp thích ứng hiệu quả, phù hợp với đặc điểm sinh kế của nhóm DTTS nghèo, dễ bị tổn thương này, để không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đề xuất nghiên cứu: ***“Sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng”*** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ xã hội học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Phân tích thực trạng sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho, làm rõ sự thích ứng với BĐKH trong hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua các nguồn vốn của hộ gia đình. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sinh kế bền vững trong bối cảnh BĐKH của các hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ những biểu hiện cụ thể của BĐKH đang diễn ra tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn từ 2013 – 2023.

- Phân tích thực trạng sinh kế và những ảnh hưởng của BĐKH đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Tìm hiểu các cách thức mà hộ gia đình người Cơ Ho thích ứng với BĐKH trong các hoạt động sinh kế thông qua việc huy động và sử dụng các nguồn vốn.

- Xác định các nguồn vốn sinh kế có ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với BĐKH của hộ gia đình người Cơ Ho trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sinh kế bền vững trong bối cảnh BĐKH của các hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

- BDKH có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng?
- Các hộ gia đình người Cơ Ho ở xã Di Linh đã có những biện pháp thích ứng như thế nào với BDKH trong sản xuất nông nghiệp?
- Những nguồn vốn sinh kế nào có ảnh hưởng đến sự thích ứng với BDKH trong sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình người Cơ Ho ở xã Di Linh?

2.4. Giả thuyết nghiên cứu

- BDKH làm gia tăng mức độ tổn thương sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh thông qua việc suy giảm hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giảm năng suất, sản lượng cây trồng/vật nuôi, gia tăng dịch bệnh và rủi ro về thu nhập.
- Các biện pháp thích ứng với BDKH trong sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình người Cơ Ho ở Di Linh còn hạn chế, chưa chủ động và mang tính ngắn hạn.
- Các nguồn vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn nhân lực có ảnh hưởng quyết định đến sự thích ứng trong sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình người Cơ Ho ở Di Linh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng trong bối cảnh BDKH.

3.2. Khách thể nghiên cứu: Hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; Đại diện cán bộ lãnh đạo, quản lý và cơ quan chức năng xã Di Linh.

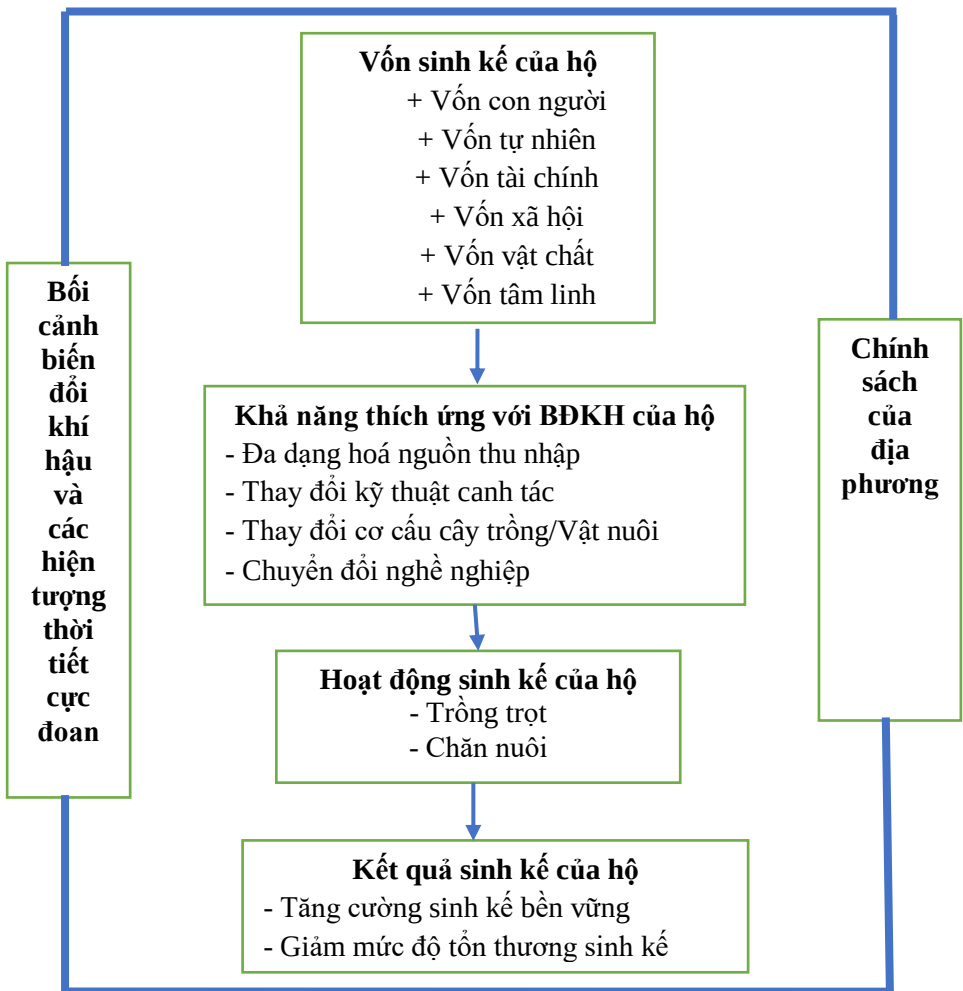
3.3. Phạm vi nghiên cứu:

- *Phạm vi không gian:* xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Phạm vi thời gian*: luận án giới hạn nội dung nghiên cứu trong khoảng thời gian từ 2013 - 2023. Thời điểm khảo sát thu thập dữ liệu là năm 2023.

- *Phạm vi nội dung nghiên cứu*: Luận án tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của BĐKH tới sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho và những mô hình sinh kế được hộ gia đình người Cơ Ho sử dụng để thích ứng với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp.

4. Khung phân tích



5. Đóng góp mới của luận án

Luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa BĐKH và sinh kế hộ gia đình DTTS tại tỉnh Lâm Đồng từ góc nhìn xã hội học.

Luận án chỉ ra rằng BĐKH đã tác động rõ rệt đến sinh kế nông nghiệp của hộ gia đình người Cơ Ho thông qua sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa và gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, làm suy giảm năng suất cây trồng, gia tăng rủi ro sản xuất và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của hộ.

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy tác động của các nguồn vốn sinh kế không đồng nhất, trong đó vốn tự nhiên, vốn con người và vốn tài chính có ảnh hưởng trực tiếp đến thích ứng sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, vai trò của vốn xã hội và vốn tâm linh được thể hiện khác nhau giữa các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi, góp phần làm sâu sắc thêm cách tiếp cận sinh kế trong bối cảnh BĐKH.

Luận án chỉ ra rằng tác động của BĐKH đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho không mang tính phổ quát mà có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm hộ, phụ thuộc vào mức độ sở hữu và khả năng huy động các nguồn vốn sinh kế.

Luận án đồng thời làm rõ vai trò hai mặt của MLXH truyền thống của người Cơ Ho trong quá trình thích ứng với BĐKH. Các mạng lưới này vừa đóng vai trò là nguồn lực hỗ trợ sinh kế và chia sẻ rủi ro, vừa có thể trở thành yếu tố hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn lực mới và các hình thức sinh kế thay thế.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cách thức thích ứng sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho trước BĐKH, luận án đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm tăng cường khả năng thích ứng ở cấp hộ gia đình và cộng đồng. Những kết quả này không chỉ có ý nghĩa về mặt học thuật mà còn gợi mở các vấn đề thực tiễn cần được các cấp chính quyền quan tâm trong quá trình hoạch định chính

sách, xây dựng chương trình và dự án phát triển sinh kế thích ứng với BĐKH cho đồng bào DTTS nói chung và người Cơ Ho nói riêng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận: Nghiên cứu khẳng định rằng việc vận dụng lý thuyết sinh kế bền vững kết hợp với lý thuyết mạng lưới xã hội là cách tiếp cận phù hợp để phân tích khả năng thích ứng với BĐKH trong hoạt động sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho. Đồng thời, kết quả của nghiên cứu là dữ liệu tham khảo cho các nghiên cứu khác có nội dung tương tự trong bối cảnh và phạm vi khác nhau.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Nghiên cứu chỉ rõ các biểu hiện của BĐKH hiện nay tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời chỉ ra cách thức mà hộ gia đình người Cơ Ho thích ứng với BĐKH trong hoạt động sinh kế thông qua các loại vốn (vốn nhân lực, vốn tài chính, vốn vật chất, vốn xã hội và vốn tự nhiên, vốn tâm linh). Nghiên cứu cung cấp những bằng chứng thực nghiệm có giá trị cho các nhà quản lý xã hội tại địa phương trong việc thiết kế chính sách và xây dựng chương trình hành động phù hợp để ứng phó và thích ứng với BĐKH; Kết quả của nghiên cứu này sẽ là một dữ liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo ở Lâm Đồng nói riêng và các tỉnh Tây Nguyên nói chung về chủ đề BĐKH. Bổ sung thêm những thông tin hữu ích trong giảng dạy/học tập các môn học có liên quan như: Xã hội học môi trường, Xã hội học về BĐKH, phát triển bền vững và các vấn đề liên quan đến BĐKH.

7. Cấu trúc của luận án: Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo luận án được chia thành 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu;

Chương 2. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu;

Chương 3. Thực trạng sinh kế và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;

Chương 4. Thích ứng sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các yếu tố ảnh hưởng.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các nghiên cứu về sinh kế của người dân tộc thiểu số

1.1.1. Nguồn lực sinh kế của người dân tộc thiểu số

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều chỉ ra rằng sinh kế của người DTTS phụ thuộc lớn vào nguồn vốn tự nhiên, đặc biệt là đất đai, rừng và nguồn nước. Nguồn vốn con người của các hộ DTTS thường dồi dào về lao động nhưng hạn chế về trình độ học vấn, kỹ năng nghề và khả năng tiếp cận thông tin. Vốn tài chính của hộ DTTS nhìn chung thấp, khả năng tích lũy hạn chế, phụ thuộc nhiều vào tín dụng chính thức và phi chính thức. Vốn xã hội, thông qua mạng lưới quan hệ gia đình, dòng họ và cộng đồng, đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ thông tin, hỗ trợ sản xuất và giảm thiểu rủi ro sinh kế [43], [54], [79], [85], [87], [113], [134], [142], [149], [151], [152], [157], [210], [211].

1.1.2. Các hoạt động sinh kế của người dân tộc thiểu số

Hoạt động sinh kế chủ yếu của người DTTS ở Việt Nam là trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Trồng trọt là hoạt động phổ biến nhất, với các cây trồng chủ lực như cà phê, lúa, ngô, khoai, sắn [28], [30], [34], [51], [54], [103], [173], [184], [156]. Chăn nuôi chủ yếu mang tính truyền thống, gắn chặt với trồng trọt và ít mang tính hàng hóa [27], [43], [44], [48], [53], [91]. Bên cạnh đó, khai thác lâm và các nghề thủ công như dệt, đan lát đóng vai trò bổ trợ sinh kế cho hộ DTTS [53], [91], [108].

Đối với người Cơ Ho, trồng trọt là hoạt động sinh kế chính, kết hợp với chăn nuôi và khai thác tự nhiên [19], [29], [33]. Dưới tác động của chính sách đổi mới và kinh tế thị trường, sinh kế của người Cơ Ho đã chuyển mạnh sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đồng

thời xuất hiện các hoạt động sinh kế mới như làm thuê, dịch vụ và dịch vụ môi trường rừng [18], [30], [41], [51], [80], [82], [92], [93].

1.2. Các nghiên cứu về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế người dân tộc thiểu số

BĐKH làm giảm năng suất cây trồng, gia tăng dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi, suy giảm tài nguyên đất và nước, cũng như gia tăng rủi ro thu nhập. Mức độ tác động của BĐKH đến sinh kế không đồng đều giữa các nhóm dân tộc và giữa các hộ gia đình, phụ thuộc vào mức độ sở hữu và khả năng huy động các nguồn vốn sinh kế [24], [31], [37], [45], [49], [95], [96], [98], [101], [123], [131], [137], [153], [160], [173], [175], [185], [199], [204], [216].

1.3. Các nghiên cứu về thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số và các yếu tố ảnh hưởng

1.3.1. Chiến lược thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số

Các chiến lược thích ứng sinh kế với BĐKH của người DTTS được ghi nhận bao gồm: thay đổi lịch thời vụ, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, đa dạng hóa sinh kế, áp dụng tri thức bản địa và tham gia các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp [45], [94], [123], [129], [142], [153], [160], [162], [193], [196], [199], [216],

1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của người dân tộc thiểu số

Các yếu tố như trình độ học vấn của chủ hộ, quy mô hộ gia đình, thu nhập, khả năng tiếp cận tín dụng, mức độ tham gia mạng lưới xã hội và sự hỗ trợ của chính sách nhà nước có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định và hiệu quả thích ứng sinh kế của các hộ DTTS. [36], [120], [135], [170], [172], [173], [175], [177], [185], [198], [196], [199], [201], [203], [213].

1.4. Nhận xét về các công trình nghiên cứu đã công bố

Các nghiên cứu đi trước đã cung cấp cái nhìn toàn diện về thực trạng sinh kế của người DTTS dưới ảnh hưởng của BĐKH, từ các nguồn lực sinh kế, hành vi thích ứng cho đến các giải pháp tăng cường năng lực ứng phó. Những nghiên cứu này đã làm rõ tác động của BĐKH đến nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp và sinh kế phi nông nghiệp, đồng thời chỉ ra các chiến lược thích ứng mà người DTTS đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Một số nghiên cứu cũng đề cập đến ảnh hưởng của chính sách hỗ trợ và vai trò của tri thức bản địa trong quá trình thích ứng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều khoảng trống trong nghiên cứu cần được khai thác sâu hơn: thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ giữa BĐKH và sinh kế của các DTTS tại Tây Nguyên dưới góc nhìn xã hội học; thiếu các phân tích định lượng làm rõ vai trò của từng loại vốn sinh kế đối với khả năng thích ứng; chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu vào cộng đồng người Cơ Ho trong bối cảnh BĐKH. Những khoảng trống này là cơ sở khoa học để luận án lựa chọn hướng tiếp cận, xây dựng khung phân tích và triển khai nghiên cứu thực địa tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tiểu kết chương 1

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm công cụ

Luận án sử dụng các khái niệm công cụ chủ yếu bao gồm: Sinh kế, Sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho, Sinh kế bền vững, Chiến lược sinh kế, Hộ gia đình và hộ gia đình người Cơ Ho, Khí hậu, Biến đổi khí hậu, Thích ứng, Thích ứng với biến đổi khí hậu, Dân tộc Cơ Ho ở Lâm Đồng. Trong đó, khái niệm sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho được hiểu là tổng thể các nguồn lực, các hoạt động sản xuất, cùng với chiến lược thích ứng của hộ gia đình người Cơ Ho nhằm duy trì

đời sống, đảm bảo an ninh sinh kế và tái sản xuất xã hội trong bối cảnh biến đổi kinh tế, xã hội và BĐKH tại địa bàn cư trú.

2.2. Cơ sở lý thuyết của luận án

2.2.1. Tiếp cận khung sinh kế bền vững

Luận án vận dụng khung sinh kế bền vững với sáu loại vốn sinh kế: vốn tự nhiên, vốn con người, vốn vật chất, vốn tài chính và vốn xã hội, vốn tâm linh để phân tích sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho và khả năng thích ứng với BĐKH. Khung sinh kế này cho phép đánh giá một cách hệ thống mối quan hệ giữa các nguồn vốn, các cú sốc khí hậu và các chiến lược sinh kế của hộ gia đình.

2.2.2. Lý thuyết mạng lưới xã hội

Lý thuyết mạng lưới xã hội được sử dụng nhằm phân tích vai trò của các mối quan hệ xã hội, sự gắn kết cộng đồng và vốn xã hội trong việc hỗ trợ hộ gia đình người Cơ Ho tiếp cận thông tin, nguồn lực và các biện pháp thích ứng với BĐKH.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu, tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp: Nghiên cứu sinh thu thập, phân tích các báo cáo nghiên cứu, sách, bài báo khoa học, số liệu thống kê từ các cơ quan nhà nước, tổ chức trong nước, quốc tế liên quan đến BĐKH, sinh kế. Từ đó giúp hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu trước, làm rõ mối quan hệ giữa BĐKH và sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho, đồng thời làm rõ các khoảng trống nghiên cứu phục vụ thiết kế khảo sát thực địa.

2.3.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi 400 hộ gia đình người Cơ Ho tại hai xã Gia Hiệp và Bảo Thuận được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống, bảo đảm tính đại diện về không gian cư trú, giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và quy mô hộ gia đình.

2.3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu: Nghiên cứu thực hiện 14 phỏng vấn sâu lãnh đạo địa phương và đại diện hộ gia đình người Cơ

Ho tại hai xã nghiên cứu theo phương pháp chọn mẫu tích lũy (snowball sampling). Phòng vấn sâu tập trung khai thác các trải nghiệm, nhận thức, chiến lược thích ứng sinh kế và các đề xuất chính sách của người dân và chính quyền địa phương.

2.4. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về biến đổi khí hậu và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số thích ứng với biến đổi khí hậu

2.5. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Tiểu kết Chương 2

Chương 3

THỰC TRẠNG SINH KẾ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN SINH KẾ HỘ GIA ĐÌNH NGƯỜI CƠ HO TẠI XÃ DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

3.1. Thực trạng sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Kết quả nghiên cứu cho thấy sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt là hoạt động sinh kế chính của người Cơ Ho, với cây trồng chủ lực là cà phê, chăn nuôi chỉ mang tính bổ trợ. Các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp như buôn bán, lao động làm thuê, thủ công truyền thống hay khai thác tự nhiên còn hạn chế.

3.2. Thực trạng vốn sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

3.2.1. Vốn con người

Nguồn vốn con người của các hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh có đặc điểm dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào và cân bằng giới, nhưng chất lượng vốn con người còn hạn chế. Trình độ học vấn nhìn chung thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo rất thấp.

3.2.2. Vốn tự nhiên

Nguồn vốn tự nhiên của các hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh phong phú nhưng dễ tổn thương, với đất đai là nguồn lực sinh

kế chủ đạo và 100% hộ có đất sản xuất. Tuy nhiên, diện tích đất nhìn chung nhỏ, nhiều hộ thiếu đất, đất bạc màu hoặc chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khả năng tiếp cận nước sạch còn hạn chế.

3.2.3. Vốn vật chất

Nguồn vốn vật chất của các hộ gia đình người Cơ Ho ở mức ổn định nhưng còn hạn chế về chất lượng và mức độ hiện đại hóa. Nhà ở chủ yếu là nhà cấp 4 hoặc nhà tạm; công cụ sản xuất chủ yếu là dụng cụ nông nghiệp truyền thống, mức độ cơ giới hóa còn thấp; tài sản tiêu dùng cơ bản khá phổ biến, song thiết bị giá trị cao còn ít.

3.2.4. Vốn tài chính

Vốn tài chính của các hộ gia đình người Cơ Ho còn hạn chế với thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và hầu như không có tích lũy. Tỷ lệ hộ vay vốn cao, chủ yếu để đầu tư trồng trọt và đáp ứng chi tiêu thiết yếu cho thấy áp lực tài chính lớn.

3.2.5. Vốn xã hội

Vốn xã hội của các hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh rất mạnh ở cấp độ cộng đồng phi chính thức, thể hiện qua quan hệ họ hàng, láng giềng, mức độ tin cậy cao và sự hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, đời sống. Tuy nhiên, vốn xã hội chính thức còn yếu, khi tỷ lệ tham gia các tổ chức chính trị – xã hội rất thấp.

3.2.6. Vốn tâm linh

Vốn tâm linh của các hộ gia đình người Cơ Ho thể hiện qua sự tham gia vào tổ chức tôn giáo và thực hành tín ngưỡng truyền thống. Vốn tâm linh chủ yếu cung cấp sự hỗ trợ tinh thần, gắn kết cộng đồng và ổn định tâm lý trước các rủi ro, đặc biệt là tác động của BĐKH, trong khi hỗ trợ vật chất và tài chính còn hạn chế.

Tóm lại, kết quả phân tích thực trạng các nguồn vốn sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho cho thấy sự thiếu hụt các nguồn lực sinh kế cơ bản bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, các tài sản sản xuất quan trọng và nguồn tài chính. Ngoài ra, trình độ học vấn thấp

và thiếu tính đa dạng trong hoạt động nghề nghiệp cũng là những trở ngại trên con đường phát triển bền vững.

3.3. Kết quả sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho

3.3.1. Thu nhập của các hộ gia đình người Cơ Ho

Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập trung bình ở mức trung bình khá nhưng phân hóa lớn, với sự chênh lệch đáng kể giữa các hộ. Cơ cấu thu nhập phụ thuộc gần như tuyệt đối vào trồng trọt, trong khi các nguồn thu ngoài nông nghiệp chiếm tỷ lệ thấp.

3.3.2. Chất lượng điều kiện sống hộ gia đình người Cơ Ho

Điều kiện sống của các hộ gia đình người Cơ Ho còn khiêm tốn, với chỉ tiêu cho sản xuất và ăn uống chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các khoản chi cho giáo dục, y tế và giải trí còn thấp. Chỉ tiêu đáng kể cho ma chay, hiếu hỷ cho thấy vai trò quan trọng của sự gắn kết cộng đồng trong đời sống người Cơ Ho.

3.3.3. Sự hài lòng về điều kiện sống của hộ gia đình người Cơ Ho

Mức độ hài lòng về điều kiện sống của các hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh nhìn chung khá ổn định, với đa số hộ cảm thấy hài lòng hoặc bình thường dù thu nhập chưa cao. Sự hài lòng này không chỉ xuất phát từ khả năng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cơ bản mà còn gắn với yếu tố văn hóa, truyền thống và sự gắn kết cộng đồng.

3.4. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho

3.4.1. Nhận thức của hộ gia đình người Cơ Ho về các biểu hiện của biến đổi khí hậu

BĐKH tại Di Linh trong giai đoạn 2013–2023 biểu hiện rõ nét qua sự gia tăng nhiệt độ trung bình năm, sự thay đổi bất thường của lượng mưa và sự gia tăng tần suất các hiện tượng thời tiết cực đoan. Nhiệt độ có xu hướng tăng đều qua các năm, đặc biệt là trong mùa khô, làm gia tăng tình trạng khô hạn và thiếu nước phục vụ sản

xuất nông nghiệp. Lượng mưa tại địa bàn nghiên cứu có sự biến động mạnh giữa các năm và giữa các mùa. Mùa mưa có xu hướng mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn, trong khi mùa khô kéo dài hơn, dẫn đến tình trạng hạn hán diễn ra thường xuyên hơn. Các hiện tượng như mưa lớn cục bộ, lốc xoáy, sạt lở đất và hạn hán kéo dài được người dân địa phương ghi nhận ngày càng nhiều, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho.

Phần lớn các hộ được khảo sát cho rằng thời tiết hiện nay “khó dự báo hơn trước”, “nắng nóng gay gắt hơn” và “mưa thất thường hơn”, đặc biệt là trong những năm gần đây. Những thay đổi này được xem là nguyên nhân chính làm gia tăng rủi ro trong hoạt động sinh kế nông nghiệp.

3.4.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho

3.4.2.1. Ảnh hưởng đến trồng trọt

BĐKH tác động mạnh đến trồng trọt của hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh thông qua tăng nhiệt độ, biến động lượng mưa và thời tiết cực đoan, làm gia tăng thiếu nước tưới, đất khô cằn/thoái hóa, rụng quả, dịch bệnh, giảm năng suất và tăng chi phí đầu tư. Kết quả kiểm định cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê, trong đó nhiệt độ tăng gắn rất chặt với thiếu nước tưới, còn mưa tăng/giảm và sự bất ổn mùa mưa làm rối loạn chu kỳ canh tác, gia tăng rủi ro dịch bệnh và suy giảm chất lượng đất. Mức độ tổn thương phân hóa theo nhóm hộ: hộ thuần nông chịu tác động trực tiếp; hộ hỗn hợp đối mặt rủi ro “kép”; hộ nghèo dễ tổn thất về chất lượng và mất mùa, trong khi hộ không nghèo thường thiệt hại lớn hơn về chi phí và đầu vào do quy mô/đầu tư cao.

3.4.2.2. Ảnh hưởng đến chăn nuôi

Các ảnh hưởng nổi bật của BĐKH đến chăn nuôi gồm gia tăng dịch bệnh, giảm năng suất và sinh trưởng chậm, kèm theo nguy

cơ mất trắng lúa nuôi, thiếu nước và khan hiếm thức ăn. Những tác động này làm tăng chi phí, giảm thu nhập và gia tăng bất ổn sinh kế.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho không mang tính đồng nhất mà có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm hộ. Các hộ gia đình có diện tích đất canh tác lớn hơn, nguồn vốn tài chính và vốn con người tốt hơn thường có khả năng chống chịu và phục hồi cao hơn trước các cú sốc khí hậu. Ngược lại, các hộ nghèo, hộ thiếu đất sản xuất, thiếu vốn tài chính và hạn chế về trình độ học vấn là nhóm chịu tổn thương nặng nề nhất trước tác động của biến đổi khí hậu. Sự phân hóa này phản ánh vai trò quan trọng của các nguồn vốn sinh kế trong việc quyết định mức độ dễ bị tổn thương và khả năng phục hồi sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho.

Tiểu kết chương 3

Chương 4

THÍCH ỨNG SINH KẾ CỦA HỘ GIA ĐÌNH CƠ HO TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

4.1. Chiến lược thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của hộ gia đình Cơ Ho

4.1.1. Thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp

4.1.1.1. Chiến lược thích ứng trong trồng trọt

Đa số hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh đã chủ động thích ứng trong trồng trọt: 88,2% hộ áp dụng ít nhất một biện pháp, trung bình 2,61 biện pháp/hộ, nhưng vẫn còn 11,8% chưa thích ứng. Mức độ thích ứng phân hóa theo nhóm hộ: hộ hỗn hợp và hộ không nghèo có xu hướng áp dụng nhiều biện pháp hơn, phản ánh chênh lệch năng lực tiếp cận nguồn lực và thông tin. Các biện pháp phổ biến nhất gồm thay đổi giống cây trồng (59,3%), đầu tư chi phí nhiều hơn (57,8%)

và cải thiện tưới tiêu (37,7%), bên cạnh điều chỉnh thời vụ và thay đổi kỹ thuật canh tác.

4.1.1.2. Chiến lược thích ứng trong chăn nuôi

Đa số hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh có chăn nuôi đã chủ động thích ứng với BĐKH (80,4%), song mức độ đa dạng biện pháp còn hạn chế khi phần lớn chỉ áp dụng 1–2 biện pháp. Các chiến lược thích ứng phổ biến gồm đầu tư thêm chi phí (45,5%), giảm quy mô chăn nuôi (40,9%), thay đổi giống vật nuôi (29,5%).

4.1.2. Chuyển đổi nghề nghiệp để thích ứng với biến đổi khí hậu

Tỷ lệ chuyển đổi nghề nghiệp còn rất thấp (6,0%). Quá trình chuyển đổi vẫn gắn với nông nghiệp hoặc lao động thời vụ. Những hộ có lao động trẻ, trình độ học vấn cao có khả năng chuyển đổi tốt hơn, qua đó gia tăng thu nhập (87,0%) và nâng cao khả năng chống chịu sinh kế.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

4.2.1. Sự khác biệt trong khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

4.2.1.1. Sự khác biệt về khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong trồng trọt của hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả phân tích cho thấy khả năng thích ứng với BĐKH trong trồng trọt của hộ gia đình người Cơ Ho không đồng đều, mà chịu sự chi phối mạnh mẽ của trình độ học vấn, thu nhập và loại hộ. Điều này củng cố lập luận rằng thích ứng không phải là phản ứng đồng nhất trước tác động khí hậu, mà là kết quả của sự tương tác giữa điều kiện tự nhiên và các nguồn lực xã hội của hộ gia đình. Những khác biệt này tạo cơ sở thực nghiệm quan trọng để tiếp tục phân tích

sâu hơn mức độ và cơ chế tác động của từng yếu tố trong các mô hình hồi quy ở phần tiếp theo, qua đó làm rõ vai trò tương đối của từng loại vốn sinh kế đối với năng lực thích ứng của hộ gia đình người Cơ Ho.

4.2.1.2. Sự khác biệt về khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong chăn nuôi của hộ gia đình người Cơ Ho tại Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi, do số lượng hộ tham gia còn hạn chế, kết quả phân tích chủ yếu mang tính thăm dò. Nhìn chung, khả năng thích ứng với BĐKH của hộ gia đình người Cơ Ho trong chăn nuôi còn ở mức thấp, song có sự khác biệt theo trình độ học vấn và thu nhập. Các hộ có trình độ học vấn cao hơn và thu nhập cao hơn có chỉ số thích ứng cao hơn một cách có ý nghĩa thống kê, cho thấy vai trò quan trọng của vốn con người và vốn tài chính trong việc triển khai các biện pháp thích ứng chăn nuôi trước tác động của BĐKH.

4.2.2. Ảnh hưởng của các nguồn vốn sinh kế đến sự thích ứng sinh kế với biến đổi khí hậu của hộ gia đình người Cơ Ho ở Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

4.2.2.1. Ảnh hưởng của các nguồn vốn sinh kế đến thích ứng với biến đổi khí hậu trong trồng trọt của hộ gia đình người Cơ Ho.

Kết quả phân tích hồi quy ước lượng cho thấy khả năng thích ứng với BĐKH trong trồng trọt của hộ gia đình người Cơ Ho chịu ảnh hưởng rõ rệt từ các loại vốn sinh kế, trong đó vốn tự nhiên và vốn nhân lực giữ vai trò quan trọng nhất. Bên cạnh đó, vốn tài chính và vốn tâm linh cũng có ảnh hưởng tích cực đến mức độ thích ứng, phản ánh tầm quan trọng của các nguồn lực hỗ trợ và mối quan hệ cộng đồng trong việc nâng cao khả năng phản ứng trước BĐKH.

4.2.2.2. Ảnh hưởng của các nguồn vốn sinh kế đến thích ứng với biến đổi khí hậu trong chăn nuôi của hộ gia đình người Cơ Ho

Kết quả phân tích hồi quy ước lượng cho thấy các nguồn vốn sinh kế ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thích ứng với BĐKH trong chăn nuôi của hộ gia đình người Cơ Ho. Trong đó, vốn tự nhiên và vốn xã hội có ảnh hưởng mạnh nhất, vốn tài chính và vốn nhân lực đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê. Riêng vốn vật chất và vốn tâm linh không ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với BĐKH trong chăn nuôi của hộ gia đình người Cơ Ho.

4.2.3. Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị, xã hội trong hỗ trợ các hộ gia đình người Cơ Ho thích ứng với biến đổi khí hậu

Vai trò hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với hộ gia đình người Cơ Ho trong thích ứng với BĐKH còn hạn chế. Chỉ khoảng hơn một phần ba số hộ nhận được hỗ trợ, chủ yếu tập trung vào vay vốn, giống – vật tư và kỹ thuật sản xuất, trong khi hỗ trợ kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm còn rất yếu. Nguyên nhân của những hạn chế đó không chỉ xuất phát từ yếu tố nguồn lực tài chính mà còn liên quan đến những rào cản về ngôn ngữ, trình độ và tập quán sản xuất của cộng đồng DTTS tại địa bàn nghiên cứu. Những yếu tố này đã ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận và hiệu quả thực thi các chính sách hỗ trợ trong thực tiễn.

Tiểu kết chương 4

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

BĐKH đang ngày càng trở thành một thách thức nghiêm trọng đối với phát triển bền vững toàn cầu, đặc biệt là đối với những cộng đồng dễ bị tổn thương như các DTTS sinh sống tại các vùng nông thôn, miền núi phụ thuộc vào nông nghiệp. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, dưới ảnh hưởng của BĐKH mang ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Dựa trên khung lý thuyết sinh kế bền vững và mạng lưới xã hội, kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính, luận án đã tập trung nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và sâu sắc về sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho dưới ảnh hưởng của BĐKH, khả năng thích ứng và những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thích ứng của hộ gia đình người Cơ Ho với BĐKH trong giai đoạn 2013–2023.

Trước hết, luận án đã làm rõ được thực trạng sinh kế của các hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh, trong đó trồng trọt và chăn nuôi tiếp tục là hai hoạt động sinh kế chủ đạo, đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra thu nhập, đảm bảo an ninh lương thực và duy trì văn hóa truyền thống. Mặc dù đã xuất hiện một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp như làm thuê, buôn bán nhỏ, ..., nhưng các hình thức này vẫn mang tính bổ trợ và chưa thực sự thay thế được vai trò trung tâm của sinh kế nông nghiệp.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng BĐKH tại xã Di Linh thể hiện rõ qua sự gia tăng nhiệt độ, sự thay đổi bất thường về lượng mưa, hạn hán kéo dài và gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa đá, sương muối, ... Những biểu hiện này đã tác động tiêu cực đến năng suất cây trồng, làm gia tăng dịch bệnh và đặc biệt là giảm chất lượng đất, đồng thời gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn nước tưới tiêu. Trong lĩnh vực chăn nuôi, BĐKH đã làm suy giảm khả năng sinh trưởng và

năng suất của vật nuôi thông qua các cơ chế stress nhiệt, thiếu nguồn nước và thức ăn, dịch bệnh lan rộng. Những tác động này không chỉ làm giảm thu nhập, gia tăng chi phí sản xuất mà còn khiến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho trở nên bấp bênh, dễ tổn thương hơn trước các cú sốc khí hậu. Như vậy, từ kết quả nghiên cứu luận án, có cơ sở ủng hộ giả thuyết “*BĐKH làm gia tăng mức độ tổn thương sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho tại xã Di Linh thông qua việc suy giảm hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giảm năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi, gia tăng dịch bệnh và rủi ro về thu nhập*”.

Tiếp theo, luận án đã chỉ ra những cách thức mà hộ gia đình người Cơ Ho đang sử dụng để thích ứng sinh kế dưới ảnh hưởng của BĐKH. Cụ thể, trong lĩnh vực trồng trọt, phần lớn hộ áp dụng từ một đến ba biện pháp thích ứng, phổ biến là thay đổi giống cây trồng, tăng chi phí đầu tư và cải thiện hệ thống tưới tiêu; trong lĩnh vực chăn nuôi, các hộ chủ yếu áp dụng từ một đến hai biện pháp, thường là giảm quy mô chăn nuôi hoặc tăng lao động, cho thấy sự thiếu hụt về vốn tài chính và kỹ thuật. Tuy nhiên, phần lớn các chiến lược vẫn mang tính ngắn hạn, phản ứng tức thời trước thay đổi của khí hậu và chưa có định hướng dài hạn. Việc chuyển đổi sinh kế sang lĩnh vực khác mới chỉ diễn ra ở mức độ nhỏ lẻ do sự thiếu hụt về vốn tài chính, hạn chế về kiến thức kỹ thuật và trình độ học vấn thấp, khiến hộ gia đình người Cơ Ho gặp khó khăn trong việc tiếp cận các mô hình sản xuất thích ứng với BĐKH. Bên cạnh đó, dù MLXH đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hộ gia đình người Cơ Ho trong quá trình thích ứng, nhưng vẫn chưa được khai thác hiệu quả do nhiều rào cản về thể chế và sự hạn chế trong tiếp cận chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương. Giả thuyết “*Các biện pháp thích ứng với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình người Cơ Ho ở Di Linh còn hạn chế, chưa chủ động và mang tính ngắn hạn*” được ủng hộ bởi các kết quả nghiên cứu thu được.

Dựa trên mô hình hồi quy tuyến tính bội luận án đã xác định được các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến khả năng thích ứng sinh kế với BĐKH của hộ gia đình người Cơ Ho, trong đó vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn nhân lực là nguồn vốn có tác động tích cực và quyết định đến khả năng thích ứng với BĐKH trong sản xuất nông nghiệp. Trong khi đó, vốn xã hội và vốn tâm linh có vai trò hỗ trợ nhất định, còn vốn vật chất không ảnh hưởng đến khả năng thích ứng với BĐKH của hộ gia đình người Cơ Ho. Một phát hiện quan trọng là sự phân hóa rõ rệt về khả năng thích ứng giữa các nhóm hộ (Thu nhập của hộ, loại hộ và trình độ học vấn cao nhất của các thành viên), phản ánh sự bất bình đẳng trong tiếp cận thông tin, kỹ thuật, tài chính và các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài. Từ những kết quả trên, có cơ sở để ủng hộ giả thuyết nghiên cứu thứ tư, cho rằng các nguồn vốn tự nhiên, tài chính và nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực thích ứng của hộ gia đình người Cơ Ho trước ảnh hưởng của BĐKH. Do đó, việc tăng cường đồng thời cả ba loại vốn, nhất là với các nhóm hộ nghèo, thiếu đất và có ít lao động được đào tạo là hướng tiếp cận cần thiết nhằm nâng cao năng lực thích ứng sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho trong bối cảnh BĐKH ngày càng phức tạp.

Các kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần củng cố rõ ràng tính phù hợp và giá trị ứng dụng của khung sinh kế bền vững (SLF) trong phân tích khả năng thích ứng với BĐKH của hộ gia đình người Cơ Ho. Việc lượng hóa và so sánh mức độ ảnh hưởng của các loại vốn sinh kế đặc biệt là vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn nhân lực đến khả năng thích ứng trong sản xuất nông nghiệp đã minh chứng cho vai trò trung tâm của các nguồn lực này trong xây dựng chiến lược sinh kế, đúng với tinh thần của SLF. Đồng thời, các loại vốn này không phát huy hiệu quả một cách riêng lẻ, mà thường tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thích ứng phản ánh tính năng động và liên kết hệ thống trong tiếp cận sinh kế bền vững. Bên cạnh

đó, lý thuyết MLXH được vận dụng trong luận án đã phần nào được khẳng định về tính phù hợp trong việc lý giải vai trò của vốn xã hội và các mối quan hệ cộng đồng trong quá trình thích ứng. Mặc dù vốn xã hội không được xác định là yếu tố quyết định về mặt thống kê, song các dữ liệu định tính cho thấy MLXH cả trong truyền thống (dòng tộc, làng giềng, cộng đồng tôn giáo) và hiện đại (tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương) vẫn đóng vai trò là kênh trung gian kết nối thông tin, chia sẻ nguồn lực và lan tỏa kinh nghiệm thích ứng với BĐKH cho các hộ gia đình người Cơ Ho.

Như vậy, luận án không chỉ vận dụng thành công hai cách tiếp cận lý thuyết đã lựa chọn, mà còn cung cấp bằng chứng thực nghiệm góp phần mở rộng và làm sâu sắc thêm khả năng ứng dụng của các lý thuyết này trong nghiên cứu sinh kế dưới ảnh hưởng của BĐKH. Điều này củng cố lựa chọn lý luận của nghiên cứu sinh là phù hợp và có giá trị thực tiễn trong bối cảnh nghiên cứu vùng DTTS ở Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thích ứng sinh kế của hộ gia đình người Cơ Ho không chỉ là vấn đề kỹ thuật nông nghiệp mà còn là một quá trình xã hội phức tạp, chịu chi phối bởi các nguồn vốn sinh kế – bao gồm vốn tự nhiên, vốn con người, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn tâm linh. Sự sẵn có và khả năng huy động các nguồn vốn này quyết định mức độ linh hoạt, đa dạng hóa sinh kế và năng lực chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu. Do đó, các chính sách thích ứng hiệu quả cần đồng thời tăng cường năng lực thích ứng của các hộ gia đình và giảm bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận các nguồn lực phục vụ thích ứng.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Nhà nước và các cơ quan hoạch định chính sách: Lồng ghép nội dung thích ứng với BĐKH, phát triển sinh kế bền vững vào các chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành; Ưu tiên đầu tư có trọng tâm, tránh dàn trải; Ưu tiên đầu tư vào hạ tầng sản

xuất nông nghiệp; Phân cấp và trao quyền cho địa phương trong thiết kế chính sách thích ứng; Hỗ trợ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong phát triển sinh kế thích ứng; Tăng cường đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn.

2.2. Đối với địa phương: Xây dựng chiến lược hỗ trợ sinh kế thích ứng theo hướng dài hạn, có trọng tâm, phù hợp với điều kiện sinh thái, tập quán canh tác và năng lực nội tại của cộng đồng người Cơ Ho tại địa phương; Tăng cường hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho hộ gia đình người Cơ Ho; Phát triển và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH; Chính quyền địa phương cần đóng vai trò điều phối, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các cơ sở nghiên cứu tham gia các hoạt động; Tăng cường vốn xã hội và nâng cao năng lực cộng đồng; Khuyến khích chuyển đổi và đa dạng hóa sinh kế.

2.3. Đối với hộ gia đình người Cơ Ho: Chủ động tiếp cận nguồn lực và chương trình hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức xã hội về vốn, kỹ thuật, đào tạo nghề và bảo vệ tài nguyên; Đa dạng hóa sinh kế và chuyển đổi nghề nghiệp hợp lý; Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề; Tăng cường vốn xã hội và cộng đồng; Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa gắn với bảo vệ môi trường;

Như vậy, việc bảo vệ sinh kế của người Cơ Ho trong bối cảnh BĐKH đòi hỏi một chiến lược tổng thể với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính quyền, các tổ chức xã hội, và các tổ chức tôn giáo. Kết hợp các biện pháp hỗ trợ tài chính, nâng cao kỹ năng, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng sẽ là hướng đi bền vững giúp người Cơ Ho ổn định cuộc sống và duy trì bản sắc văn hóa. Chính quyền và các tổ chức liên quan cần ưu tiên thực hiện các khuyến nghị này để tăng cường khả năng chống chịu, đảm bảo sinh kế lâu dài và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng người Cơ Ho tại xã Di Linh./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Phạm Hồng Hải (2024), “*Sinh kế của người dân tộc thiểu số trong bối cảnh biến đổi khí hậu*”, Tạp chí Xã hội học, Số 4 (168), 2024, tr 72-80.
2. Phạm Hồng Hải (2025), “*Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế hộ gia đình người Cơ Ho tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng*”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2 (206) tr 82-86.
3. Phạm Hồng Hải (2025), “*Phát triển sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp người Cơ ho tại tỉnh Lâm Đồng)*”, Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị, <https://byvn.net/uVw8>, ngày 09/4/2025.